TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-PT
Ngày: 31/10/2019
V/v "Tranh chấp thanh toán công nợ của hợp đồng thuê máy xúc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy

Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLPT-KDTM ngày 09/9/2019 về "*Tranh chấp thanh toán công nợ của hợp đồng thuê máy xúc*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019**,** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần xây dựng V;**

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 44, Khu 4, Phường H, H, Q.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh V - Chức vụ: Giám đốc công ty. Có mặt;

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu Công nghiệp L;**

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Chủ tịch Công ty; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Đức D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 54A tập thể V, L, T, quận H, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người làm chứng: Ông Vũ Xuân D1 – Phó giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu Công nghiệp L;

Địa chỉ: Số 28/237 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày: Năm 2007, Công ty cổ phần xây dựng V và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy L (Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L) có thỏa thuận hợp đồng để thi công tại dự án khu Công nghiệp L. Theo thỏa thuận, Công ty cổ phần xây dựng V cho thuê thiết bị máy xúc để san lấp. Sau khi thi công xong, Công ty đã đối chiếu và xuất hóa đơn vào ngày 30/12/2007 với tổng dư nợ là 565.180.000đ. Do vậy, đề nghị: Buộc Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng V số tiền gốc còn nợ: 565.180.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn từ 01/01/2008 tới 08/12/2018 là 132 tháng, theo mức bình quân thấp nhất là 1%, cụ thể như sau: 565.180.000đ x 132 tháng x 1% = 746.037.600đ (Tổng là 1.311.216.600đ) và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn trình bày: Hiện nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu Công nghiệp L không có các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Công ty V; Theo báo cáo bàn giao và báo cáo kiểm toán đến ngày 15/4/2014 (Thời điểm bàn giao KCN L từ Tập Đoàn D2 về UBND tỉnh H quản lý) tại bảng chi tiết công nợ, Công ty TNHH MTV KCN L còn nợ Công ty V số tiền 565.180.000đ nhưng không có hồ sơ lưu về công nợ này. Mặt khác, theo văn bản số 5677/DKVN-HĐTV ngày 20/7/2012 của Tập Đoàn D2 do Chủ tịch Hội đồng thành viên Phùng Đình T gửi Thủ tướng Chính Phủ báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp, dự án chuyển giao giữa V3 và Tập Đoàn D2, đã được Phó thủ

tướng Chính Phủ ông Vũ Văn N có ý kiến bằng văn bản số 6974/VPCP-KTTH ngày 05/9/2012, số công nợ 565.180.000đ của Công ty cổ phần xây dựng V trên thuộc công nợ phải trả cho các nhà thầu trị giá 52,11 tỷ đồng và hồ sơ thanh quyết toán đều chưa tuân thủ quy định hiện hành nên không thể thanh toán số tiền này và đề nghị không xem xét để tính lãi suất chậm trả vì đã quá thời hiệu khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 156, 157, 370, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, khoản 1 Điều 292, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần xây dựng V số tiền 1.186.359.918đ - làm tròn thành 1.186.360.000đ (một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn); Trong đó nợ gốc là 565.180.000đ; nợ lãi là 621.179.918đ (tính từ ngày 30/6/2010 đến ngày 13/6/2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/6/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành vì nguyên đơn không cung cấp được các hồ sơ thanh quyết toán cho phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tính lãi chậm thanh toán do thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn khẳng định trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2017 thường xuyên đến Công ty TNHH MTV KCN L để yêu cầu thanh toán tiền, tuy nhiên đại diện của bị đơn đều lấy lý do hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ và công ty khó khăn về kinh tế nên không thanh toán. Do đó, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV KCN L và người được ủy quyền thừa nhận đã thực hiện việc nộp thuế VAT cho cơ quan thuế theo hóa đơn của Công ty cổ phần xây dựng V. Đồng thời thừa nhận thư xác nhận công nợ do công ty TNHH MTV KCN L phát hành để xác nhận số tiền chưa thanh toán cho phía nguyên đơn. Tuy nhiên, lý do phía bị đơn chưa thanh toán vì hai bên không còn lưu giữ hồ sơ về việc ký kết và thực hiện hợp đồng. Đại diện Công ty TNHH MTV KCN L khẳng định nếu phía nguyên đơn cung cấp đầy đủ hồ sơ thì sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi. Hơn nữa, Công ty TNHH MTV KCN L không chấp nhận trả khoản tiền lãi vì theo quy định thời hiệu khởi kiện đã hết. Phía bị đơn đề nghị HĐXX bác toàn bộ đơn khởi kiện của phía nguyên đơn.

Ông Vũ Xuân D1 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L xác định khẳng định có việc Công ty cổ phần xây dựng V nhiều lần đến yêu cầu Công ty TNHH MTV KCN L để yêu cầu thanh toán tiền 565.180.000đ, tuy nhiên do Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L thay đổi tên gọi, chủ sở hữu và hồ sơ thanh toán của Công ty CP xây dựng V chưa đầy đủ nên không thanh toán được.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn vẫn luôn thừa nhận số tiền 565.180.000đ chưa thanh toán cho phía Công ty CP xây dựng V được coi là bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 BLTTDS xác định thời hiệu yêu cầu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 156, 157, 370, 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 292, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên Khu công nghiệp L có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần xây dựng V số tiền 1.186.359.918đ (làm tròn thành 1.186.360.000đ); trong đó nợ gốc là: 565.180.000đ; nợ lãi là 621.179.918đ; về án phí: Buộc phía bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại; hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 17/6/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên xác định là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ngày 01/6/2012, Hội đồng thành viên Tập Đoàn D2 đã ra Quyết định số 1170/QĐ-DKVN Phê duyệt chuyển đổi tên gọi "Công ty TNHH MTV CNTT L" thành "Công ty TNHH MTV KCN L" và chuyển trụ sở Cty TT L (nay là Cty KCN L) đến Nhà điều hành Khu Công nghiệp L - xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương và tại Văn bản số 2301/VPCP-KTTH ngày 07/4/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao nguyên trạng toàn bộ Khu Công nghiệp L về UBND tỉnh H quản lý. Khi chuyển giao đổi tên mới thì bị đơn được chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ. Do vậy, Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L hiện nay là chủ thể kế thừa các quyền nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV CNTT L.

Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị đơn:

[3] Năm 2007, Công ty cổ phần xây dựng V và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy L (nay là Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L) có thỏa thuận hợp đồng để thi công tại dự án khu Công nghiệp L. Theo thỏa thuận, Công ty cổ phần xây dựng V cho thuê thiết bị máy xúc để san lấp. Mặc dù, các đương sự không cung cấp được hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên đều thừa nhận có ký kết và thực hiện hợp đồng theo đúng thỏa thuận. Do đó, HĐXX xác định thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật.

[4] Sau khi thực hiện xong hợp đồng, Công ty cổ phần xây dựng V đã đối chiếu và xuất hóa đơn vào ngày 02/12/2007 là 465.850.000đ và ngày 30/12/2007 là 99.330.000đ. Tổng số tiền là 565.180.000đ. Công ty TNHH MTV Công nghiệp

Tàu thủy L (nay là Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L) đã có thư xác nhận ngày 02/08/2010 và thư xác nhận công nợ tính đến ngày 30/06/2010 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 cho công ty V với số tiền là 565.180.000đ. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền theo hợp đồng còn nợ là 565.180.000đ và tiền lãi 746.037.600đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, trước khi Tòa án nhân dân huyện Kim Thành ra bản án, phía bị đơn đề nghị áp dụng thời hiện khởi kiện đối với yêu cầu về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Công ty cổ phần xây dựng V. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc chấm dứt, thay thế chủ sở hữu của Công ty Tàu thủy L từ Tập đoàn T1, sang cho Tập Đoàn D2 và đến nay là UBND tỉnh H quản lý đồng thời với việc chuyển tên gọi được diễn ra suốt từ năm 2010 đến nay, không được thông báo cho các bên đối tác, nên cũng cần phải được coi như một trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền khởi kiện khó có thể thực hiện được quyền khởi kiện của mình theo quy định của Điều 156 BLDS. Do vậy thời hiệu khởi kiện được tính lại theo Điều 157 BLDS. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thư xác nhận công nợ để buộc phía bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền thuê máy móc là 565.180.000đ; số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 621.179.918đ (tính từ ngày 30/6/2010 đến ngày 13/6/2019). Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của ông D1 là phó Giám đốc Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L, HĐXX xác định sau khi thực hiện xong hợp đồng thì Công ty cổ phần xây dựng V đã đối chiếu và xuất hóa đơn vào ngày 02/12/2007 là 565.180.000đ và ngày 30/12/2007 là 99.330.000đ. Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy L đã có thư xác nhận ngày 02/08/2010 và thư xác nhận công nợ tính đến ngày 30/06/2010. Trước khi khởi kiện, Công ty cổ phần xây dựng V đã nhiều lần gặp kế toán và ông Vũ Xuân D1 là phó Giám đốc Công ty TNHH MTV khu công nghiệp L yêu cầu thanh toán số tiền công chưa trả và được ông D1 thừa nhận số tiền chưa trả là 565.180.000đ nhưng vì hồ sơ chưa đầy đủ nên không thể thanh toán được. Như vậy, trong suốt thời gian từ năm 2010 đến khi khởi kiện vụ án, phía bị đơn vẫn thừa nhận số tiền công chưa thanh toán, lý do chưa thanh toán là do hồ sơ chưa đầy đủ, được coi là bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 BLDS xác định thời hiệu yêu cầu khởi kiện vẫn còn. Căn cứ vào thừa nhận của các bên đương sự về việc thực tế Công ty cổ phần xây dựng V có việc thi công san lấp cho bị đơn; căn cứ vào thư xác nhận ngày 02/08/2010 và thư xác nhận công nợ tính đến ngày 30/06/2010 với số tiền là 565.180.000đ. Đồng thời theo văn bản

số 6974/VPCP-KTTH ngày 05/9/2012 của Phó thủ tướng Chính Phủ, có thể hiện số công nợ 565.180.000đ của Công ty cổ phần xây dựng V trên thuộc công nợ phải trả cho các nhà thầu trị giá 52,11 tỷ đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L còn nợ công ty V số tiền là 565.180.000đ và buộc phía bị đơn phải thanh toán số tiền trên là phù hợp quy định pháp luật, do đó không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L không thanh toán đúng hạn cho Công ty V là vi phạm các điều khoản thanh toán và phải chịu lãi chậm thanh toán. Theo quy định của pháp luật tại Điều 306 luật thương mại thì việc chậm thanh toán tiền hàng, dịch vụ sẽ bị tính lãi chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ, phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn thanh toán nhưng phía bị đơn không thanh toán. Do các đương sự không cung cấp được thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần xác định thời điểm Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L có thư xác nhận công nợ ngày 30/6/2010 là ngày vi phạm thỏa thuận thanh toán. Thời hiện yêu cầu tính lãi chậm thanh toán được xác định theo thời hiệu khởi kiện tranh chấp số tiền 565.180.000đ công thuê san lấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi là không phù hợp quy định của pháp luận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc phía bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 565.180.000đ là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại tính lãi suất trung bình của 3 ngân hàng và xác định số tiền lãi suất chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm 13/6/2019 là 621.179.918đ là đúng quy định pháp luật. Như vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại theo Điều 148 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 156, 157, 370, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, khoản 1 Điều 292, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần xây dựng V số tiền 1.186.359.918đ (làm tròn thành 1.186.360.000đ) (một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn); Trong đó nợ gốc là: 565.180.000đ; nợ lãi là 621.179.918đ (tính từ ngày 30/6/2010 đến ngày 13/6/2019).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L phải chịu 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2017/0003993 ngày 21/6/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu công nghiệp L phải chịu 47.591.000đ tiền án phí KDTM sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần xây dựng V số tiền 16.800.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003821 ngày 13/12/2018 và 8.700.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003845 ngày 27/12/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 31/10/2019.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn